

Số: 130 /XNK-CBTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT TP. HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

- Tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang
- Mã chứng khoán: AGM
- Địa chỉ trụ sở chính: 01 Ngô Gia Tự, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Điện thoại: 0296. 3842 625 - 3844 669 Fax: 0296. 3843 239.
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà VŨ THU MƯỜI
Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật
- Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ
 bất thường theo yêu cầu định kỳ.
- Nội dung thông tin công bố:

* Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

* Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 tăng 75,47% so với năm 2016.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang vào ngày 15/2/2018 tại địa chỉ: <http://www.angimex.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm: - Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

- Văn bản số 127 /XNK-TCKT ngày 12/02/2018 về việc giải trình lợi nhuận năm 2017 tăng so với năm 2016.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Thu Mười

A large, rounded rectangular box with a thin border, containing several horizontal lines for writing. The lines are evenly spaced and extend across the width of the box. The box is currently empty.



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 34



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang ("Công ty") tiền thân là Công ty Ngoại thương An Giang, được thành lập theo Quyết định số 73/QĐ-76 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang cấp ngày 23 tháng 7 năm 1976. Công ty được chấp thuận chuyển sang hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1385/QĐ-CTUB ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang và chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5203000083 ngày 27 tháng 12 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là xay xát thóc lúa; đánh bóng và xuất khẩu gạo; mua bán lương thực và thực phẩm; mua bán xe gắn máy và phụ tùng; và dịch vụ sửa chữa.

Công ty có trụ sở chính tại số 1 Đường Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch	
Ông Đoàn Minh Thư	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2017
Ông Cao Minh Lãm	Thành viên	từ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên	
Bà Chu Thị Phương Anh	Thành viên	
Bà Vũ Thu Mươi	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2017
Bà Đinh Thị Lan Phương	Thành viên	từ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Hữu Hiệp	Trưởng ban
Ông Võ Văn Ngọc	Thành viên
Bà Đỗ Ngọc Yến	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Vũ Thu Mươi	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2017
Bà Đinh Thị Lan Phương	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2017
Ông Võ Thanh Bào	Giám đốc Điều hành	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Vũ Thu Mươi. Ông Võ Thanh Bào được Bà Vũ Thu Mươi ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 01.2018/XNK/UQ ngày 1 tháng 1 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



(Handwritten signature in blue ink)

Võ Thanh Bào
Giám đốc Điều hành

Ngày 5 tháng 2 năm 2018

Số tham chiếu: 61063740/19357343

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang ("Công ty") được lập ngày 5 tháng 2 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2014-004-1



Vương Văn Minh
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3446-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 5 tháng 2 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		550.614.189.918	564.718.358.907
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	137.740.105.542	157.403.326.113
111	1. Tiền		5.140.105.542	5.483.326.113
112	2. Các khoản tương đương tiền		132.600.000.000	151.920.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		27.800.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		27.800.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		57.313.848.956	52.815.736.685
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	50.612.980.751	48.160.582.106
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.252.191.333	3.199.354.309
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.395.840.182	2.153.479.370
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(947.163.310)	(697.679.100)
140	IV. Hàng tồn kho	8	323.724.632.897	347.607.458.072
141	1. Hàng tồn kho		325.402.885.315	352.489.546.044
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.678.252.418)	(4.882.087.972)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.035.602.523	6.891.838.037
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		951.764.855	933.500.394
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.637.029.633	5.114.088.224
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	446.808.035	844.249.419
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		168.435.154.330	176.629.870.631
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		486.000.000	381.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		486.000.000	381.000.000
220	II. Tài sản cố định		144.130.670.637	147.479.041.302
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	114.151.745.558	117.715.801.223
222	Nguyên giá		264.588.551.403	253.646.487.403
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(150.436.805.845)	(135.930.686.180)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	29.978.925.079	29.763.240.079
228	Nguyên giá		30.190.901.746	29.903.801.746
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(211.976.667)	(140.561.667)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		248.068.800	9.248.078.953
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	248.068.800	9.248.078.953
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	14.561.098.000	10.561.098.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12.1	14.451.148.000	10.451.148.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		109.950.000	109.950.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		9.009.316.893	8.960.652.376
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	7.824.559.871	7.554.977.359
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	1.184.757.022	1.405.675.017
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		719.049.344.248	741.348.229.538

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		358.970.828.214	391.434.411.675
310	I. Nợ ngắn hạn		352.927.400.922	382.023.433.133
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	21.289.193.417	25.176.803.473
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	14.862.042.853	6.593.161.985
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	149.012.311	132.857.488
314	4. Phải trả người lao động		6.968.307.581	8.887.627.007
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.114.645.656	1.353.179.230
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	4.851.763.186	4.116.194.565
320	7. Vay ngắn hạn	19	294.478.765.223	328.004.795.830
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	8.213.670.695	7.758.813.555
330	II. Nợ dài hạn		6.043.427.292	9.410.978.542
337	1. Phải trả dài hạn khác		120.000.000	120.000.000
338	2. Vay dài hạn	19	-	2.348.000.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		5.923.427.292	6.942.978.542
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		360.078.516.034	349.913.817.863
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	360.078.516.034	349.913.817.863
411	1. Vốn cổ phần		182.000.000.000	182.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		182.000.000.000	182.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		120.464.000.000	117.254.000.000
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.021.000.000	5.021.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		52.593.516.034	45.638.817.863
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		41.328.817.862	39.219.057.569
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		11.264.698.172	6.419.760.294
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		719.049.344.248	741.348.229.538

Nguyễn Khánh Linh
Người lập

Trần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởng

Võ Thanh Bào
Giám đốc Điều hành

Ngày 5 tháng 2 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	2.255.748.110.785	1.903.253.692.568
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(1.768.898.052)	(1.330.922.638)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	2.253.979.212.733	1.901.922.769.930
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(2.119.946.474.465)	(1.781.139.367.897)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		134.032.738.268	120.783.402.033
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	15.662.856.019	12.395.172.619
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(10.988.418.450) (9.751.753.520)	(19.807.495.277) (15.281.916.224)
25	8. Chi phí bán hàng		(116.642.462.141)	(99.866.125.759)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(13.298.660.222)	(12.957.575.639)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		8.766.053.474	547.377.977
31	11. Thu nhập khác	26	4.112.703.014	6.364.020.752
32	12. Chi phí khác	26	(650.657.849)	(250.741.321)
40	13. Lợi nhuận khác	26	3.462.045.165	6.113.279.431
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.228.098.639	6.660.657.408
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(742.482.473)	(148.691.009)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.3	(220.917.995)	(92.206.105)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		11.264.698.171	6.419.760.294
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	619	292
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	619	292

Nguyễn Khánh Linh
Người lập

Trần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởng

Võ Thanh Bảo
Giám đốc Điều hành

Ngày 5 tháng 2 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

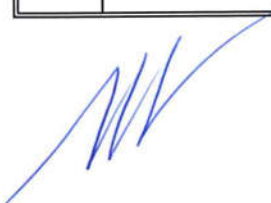
VND


Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		12.228.098.639	6.660.657.408
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	20.423.165.181	20.314.554.834
03	Hoàn nhập dự phòng		(2.954.351.344)	(1.570.448.049)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	24	226.365.259	1.389.335.155
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(13.004.764.620)	(9.971.999.772)
06	Chi phí lãi vay	24	9.751.753.520	15.281.916.224
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.670.266.635	32.104.015.800
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(1.952.754.626)	53.150.044.966
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		27.086.660.729	(98.304.564.594)
11	Tăng các khoản phải trả		5.017.282.301	1.436.032.953
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(287.846.973)	773.041.524
14	Tiền lãi vay đã trả		(9.769.413.571)	(15.423.723.577)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(345.041.089)	(9.706.271.543)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.568.489.250)	(1.381.691.958)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		44.850.664.156	(37.353.116.429)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(8.748.677.522)	(17.790.218.998)
22	Tiền thu thanh lý tài sản cố định		378.354.545	119.090.909
23	Chi tiền gửi ngắn hạn ngân hàng		(30.117.000.000)	(3.100.000.000)
24	Thu tiền gửi ngắn hạn ngân hàng		2.317.000.000	28.540.000.000
27	Tiền thu lãi ngân hàng, cổ tức nhận được		7.756.768.352	10.286.112.809
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(28.413.554.625)	18.054.984.720
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay đã nhận		1.615.392.306.206	1.885.812.230.506
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.651.492.328.913)	(1.907.392.975.023)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông	21.3	-	(36.400.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(36.100.022.707)	(57.980.744.517)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(19.662.913.176)	(77.278.876.226)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		157.403.326.113	234.682.100.627
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		(307.395)	101.712
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	137.740.105.542	157.403.326.113


Nguyễn Khánh Linh
Người lập


Trần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởng


Võ Thanh Bảo
Giám đốc Điều hành



Ngày 5 tháng 2 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang ("Công ty") tiền thân là Công ty Ngoại thương An Giang, được thành lập theo Quyết định số 73/QĐ-76 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang cấp ngày 23 tháng 7 năm 1976. Công ty được chấp thuận chuyển sang hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1385/QĐ-CTUB ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang và chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5203000083 ngày 27 tháng 12 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là xay xát thóc lúa; đánh bóng và xuất khẩu gạo; mua bán lương thực và thực phẩm; mua bán xe gắn máy và phụ tùng; dịch vụ sửa chữa.

Công ty có trụ sở chính tại số 1 Đường Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 332 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 335).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng, các khoản trả trước cho người bán và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp công với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm vi tính	3 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên doanh

Phần vốn góp của Công ty trong đơn vị liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập trên báo cáo hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.14 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

- ▶ **Quỹ đầu tư phát triển**
Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- ▶ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**
Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.
- ▶ **Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**
Các quỹ này được trích lập theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính .

Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải nộp hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	2.157.381.553	3.261.005.901
Tiền gửi ngân hàng	2.982.723.989	2.222.320.212
Các khoản tương đương tiền	<u>132.600.000.000</u>	<u>151.920.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>137.740.105.542</u>	<u>157.403.326.113</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,2% đến 5,5% mỗi năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng khác	50.596.975.751	48.148.942.106
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một Thành viên	9.246.564.860	6.688.706.340
- DGL Commodities Inc	-	9.099.215.775
- Các khách hàng khác	41.350.410.891	32.361.019.991
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	16.005.000	11.640.000
TỔNG CỘNG	50.612.980.751	48.160.582.106
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(947.163.310)	(697.679.100)
GIÁ TRỊ THUẦN	49.665.817.441	47.462.903.006

Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay (Thuyết minh số 19).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Honda Việt Nam	3.687.312.775	1.519.395.991
Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo máy Long An	-	642.824.000
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Long An	1.307.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	257.878.558	1.037.134.318
TỔNG CỘNG	5.252.191.333	3.199.354.309

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	1.486.329.999	616.688.276
Tạm ứng	374.573.183	500.594.094
Các khoản khác	534.937.000	1.036.197.000
TỔNG CỘNG	2.395.840.182	2.153.479.370

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

8. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	189.750.125.277	(717.986.368)	188.403.449.400	(3.593.753.883)
Hàng hóa	125.008.995.006	(960.266.050)	150.938.400.856	(1.288.334.089)
Nguyên vật liệu	3.129.262.837	-	11.121.939.189	-
Hàng gửi đi bán	4.868.290.396	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	2.646.211.799	-	2.025.756.599	-
TỔNG CỘNG	<u>325.402.885.315</u>	<u>(1.678.252.418)</u>	<u>352.489.546.044</u>	<u>(4.882.087.972)</u>

Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 19).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	(4.882.087.972)	(6.561.939.571)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(1.678.252.418)	(4.882.087.972)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>4.882.087.972</u>	<u>6.561.939.571</u>
Số cuối năm	<u>(1.678.252.418)</u>	<u>(4.882.087.972)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	114.894.542.716	117.429.613.592	14.658.139.855	6.664.191.240	253.646.487.403
Mua sắm mới	-	8.560.674.476	-	344.718.000	8.905.392.476
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.251.446.832	-	-	-	8.251.446.832
Thanh lý trong năm	(2.027.850.130)	(3.888.525.178)	(220.000.000)	(78.400.000)	(6.214.775.308)
Phân loại lại	(318.780.000)	318.780.000	-	-	-
Số cuối năm	<u>120.799.359.418</u>	<u>122.420.542.890</u>	<u>14.438.139.855</u>	<u>6.930.509.240</u>	<u>264.588.551.403</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	25.918.488.801	28.183.155.199	3.738.007.143	3.369.775.096	61.209.426.239
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(56.022.622.637)	(67.791.305.357)	(7.382.835.662)	(4.733.922.524)	(135.930.686.180)
Khấu hao trong năm	(6.473.386.678)	(11.872.197.139)	(1.304.558.193)	(701.608.171)	(20.351.750.181)
Thanh lý trong năm	2.127.155.535	3.468.963.846	171.111.135	78.400.000	5.845.630.516
Số cuối năm	<u>(60.368.853.780)</u>	<u>(76.194.538.650)</u>	<u>(8.516.282.720)</u>	<u>(5.357.130.695)</u>	<u>(150.436.805.845)</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>58.871.920.079</u>	<u>49.638.308.235</u>	<u>7.275.304.193</u>	<u>1.930.268.716</u>	<u>117.715.801.223</u>
Số cuối năm	<u>60.430.505.638</u>	<u>46.226.004.240</u>	<u>5.921.857.135</u>	<u>1.573.378.545</u>	<u>114.151.745.558</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	29.642.426.746	261.375.000	29.903.801.746
Mua sắm mới	-	287.100.000	287.100.000
Số cuối năm	<u>29.642.426.746</u>	<u>548.475.000</u>	<u>30.190.901.746</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	(140.561.667)	(140.561.667)
Hao mòn trong năm	-	(71.415.000)	(71.415.000)
Số cuối năm	-	<u>(211.976.667)</u>	<u>(211.976.667)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>29.642.426.746</u>	<u>120.813.333</u>	<u>29.763.240.079</u>
Số cuối năm	<u>29.642.426.746</u>	<u>336.498.333</u>	<u>29.978.925.079</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Máy móc, thiết bị đang lắp đặt	-	3.802.402.540
Chi phí cải tạo nhà máy	-	5.076.510.340
Các công trình khác	248.068.800	369.166.073
TỔNG CỘNG	<u>248.068.800</u>	<u>9.248.078.953</u>

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh số 12.1)	14.451.148.000	10.451.148.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	109.950.000	109.950.000
TỔNG CỘNG	<u>14.561.098.000</u>	<u>10.561.098.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Công ty nhận đầu tư	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn An Giang	Siêu thị	25	11.500.000.000	25	7.500.000.000
Công ty Angimex - Kitoku	Xuất nhập khẩu gạo	32,96	2.951.148.000	32,96	2.951.148.000
TỔNG CỘNG			14.451.148.000		10.451.148.000

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí san lấp mặt bằng	3.456.570.136	3.547.570.132
Công cụ và dụng cụ	1.051.067.617	1.719.380.404
Khác	3.316.922.118	2.288.026.823
TỔNG CỘNG	7.824.559.871	7.554.977.359

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Honda Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	16.169.338.254	20.103.829.131
Khác	5.119.855.163	5.072.974.342
TỔNG CỘNG	21.289.193.417	25.176.803.473

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Commerce Moderne Sal	2.480.715.720	-
DLD Commodities Trading	5.585.555.425	-
Everwell PTE Ltd	3.851.050.549	2.506.096.118
Nhà cung cấp khác	2.944.721.159	4.087.065.867
TỔNG CỘNG	14.862.042.853	6.593.161.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Khác	-	3.952.722	(3.952.722)	-
Thuế thu nhập cá nhân	132.857.488	431.366.795	(415.211.972)	149.012.311
TỔNG CỘNG	132.857.488	435.319.517	(419.164.694)	149.012.311
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	844.249.419	345.041.089	(742.482.473)	446.808.035

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	711.998.282	729.658.333
Chi phí vận chuyển	332.363.760	201.012.565
Các khoản khác	1.070.283.614	422.508.332
TỔNG CỘNG	2.114.645.656	1.353.179.230

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả từ cổ phần hóa	2.417.578.793	2.417.578.793
Các khoản khác	2.434.184.393	1.698.615.772
TỔNG CỘNG	4.851.763.186	4.116.194.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

19. VAY

VND

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm			Số cuối năm
		Rút vốn	Trả nợ gốc vay	Đánh giá lại	
Ngắn hạn	328.004.795.830	1.615.392.306.206	(1.649.144.328.913)	225.992.100	294.478.765.223
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	323.203.660.000	1.614.566.343.155	(1.643.517.230.032)	225.992.100	294.478.765.223
Vay cá nhân	3.629.135.830	825.963.051	(4.455.098.881)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.172.000.000	-	(1.172.000.000)	-	-
Vay dài hạn	3.520.000.000	-	(3.520.000.000)	-	-
Vay ngân hàng	3.520.000.000	-	(3.520.000.000)	-	-
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	1.172.000.000	-	(1.172.000.000)	-	-
Vay dài hạn	2.348.000.000	-	(2.348.000.000)	-	-
TỔNG CỘNG	330.352.795.830	1.615.392.306.206	(1.651.492.328.913)	225.992.100	294.478.765.223

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết cụ thể như sau:

Bên cho vay	Nguyên tệ (USD)	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	8.980.700	204.221.118.000	Từ 2 đến 3 tháng từ ngày giải ngân	Từ 2,2 đến 3	Hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị tối thiểu tương đương với dư nợ gốc và lãi vay
Ngân Hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Cần Thơ		57.914.686.800	90 ngày từ ngày giải ngân	Từ 3,22 đến 4	Hàng tồn kho trị giá 45.480.000.000 VND và các khoản phải thu trị giá 177.372.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Long Xuyên		13.554.407.950	Từ 25 ngày đến 3 tháng từ ngày giải ngân	5,2	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh An Giang		14.437.152.473	Từ 25 ngày đến 3 tháng từ ngày giải ngân	5,2	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	110.000	2.501.400.000 1.850.000.000	Từ 2 đến 3 tháng từ ngày giải ngân	2,3 5,1	Tín chấp
TỔNG CỘNG		294.478.765.223			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	VND Năm trước
Vào ngày 1 tháng 1	7.758.813.555	5.407.137.555
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh số 21.1)	1.100.000.000	3.348.000.000
Sử dụng quỹ	<u>(645.142.860)</u>	<u>(996.324.000)</u>
Vào ngày 31 tháng 12	<u>8.213.670.695</u>	<u>7.758.813.555</u>

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

					VND
	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	182.000.000.000	112.527.000.000	5.021.000.000	83.694.057.569	383.242.057.569
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	6.419.760.294	6.419.760.294
Chia cổ tức	-	-	-	(36.400.000.000)	(36.400.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.348.000.000)	(3.348.000.000)
Trích lập quỹ	-	4.727.000.000	-	(4.727.000.000)	-
Số cuối năm	<u>182.000.000.000</u>	<u>117.254.000.000</u>	<u>5.021.000.000</u>	<u>45.638.817.863</u>	<u>349.913.817.863</u>
Năm nay					
Số đầu năm	182.000.000.000	117.254.000.000	5.021.000.000	45.638.817.863	349.913.817.863
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	11.264.698.171	11.264.698.171
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
Trích lập quỹ	-	3.210.000.000	-	(3.210.000.000)	-
Số đầu năm	<u>182.000.000.000</u>	<u>120.464.000.000</u>	<u>5.021.000.000</u>	<u>52.593.516.034</u>	<u>360.078.516.034</u>

(*) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu thể hiện quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, được trích lập nhằm dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Công ty và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số (VND)	Cổ phiếu thường	Tổng số (VND)	Cổ phiếu thường
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	94.371.500.000	9.437.150	94.371.500.000	9.437.150
Các cổ đông khác	51.265.500.000	5.126.550	51.265.500.000	5.126.550
	36.363.000.000	3.636.300	36.363.000.000	3.636.300
TỔNG CỘNG	182.000.000.000	18.200.000	182.000.000.000	18.200.000

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Vốn góp đầu năm và cuối năm	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức công bố	-	(36.400.000.000)
Cổ tức đã chi trả	-	(36.400.000.000)

21.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	2.255.748.110.785	1.903.253.692.568
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng nông sản</i>	1.703.684.547.469	1.419.789.004.396
<i>Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng</i>	552.063.563.316	483.464.688.172
Các khoản giảm trừ	(1.768.898.052)	(1.330.922.638)
Doanh thu thuần	2.253.979.212.733	1.901.922.769.930
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng nông sản</i>	1.702.042.853.431	1.418.458.081.758
<i>Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng</i>	551.936.359.302	483.464.688.172

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập cổ tức	8.813.871.332	5.753.011.911
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.812.538.743	4.099.896.952
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.934.700.944	2.375.286.156
Lãi bán hàng trả chậm	101.745.000	119.677.600
Khác	-	47.300.000
TỔNG CỘNG	15.662.856.019	12.395.172.619

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng nông sản	1.615.356.487.357	1.342.427.433.613
Giá vốn bán xe gắn máy và phụ tùng	504.589.987.108	438.711.934.284
TỔNG CỘNG	2.119.946.474.465	1.781.139.367.897

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	9.751.753.520	15.281.916.224
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.010.299.671	3.136.243.898
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	226.365.259	1.389.335.155
TỔNG CỘNG	10.988.418.450	19.807.495.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	2.072.132.481.572	1.737.557.614.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.137.232.174	86.726.888.636
Chi phí nhân công	48.751.113.330	35.654.947.442
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 9 và 10)	20.423.165.181	20.314.554.834
Chi phí bằng tiền khác	18.443.604.571	13.709.064.295
TỔNG CỘNG	<u>2.249.887.596.828</u>	<u>1.893.963.069.295</u>

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	4.112.703.014	6.364.020.752
Tiền hoa hồng	1.457.218.032	1.512.168.877
Lãi do thanh lý tài sản cố định	378.354.545	119.090.909
Tiền phạt nhận được	-	1.727.528.128
Hỗ trợ lãi suất tạm trừ gạo từ Chính phủ	-	682.868.633
Thu nhập khác	2.277.130.437	2.322.364.205
Chi phí khác	650.657.849	250.741.321
Chi phí hỗ trợ	199.297.587	-
Chi phí khác	451.360.262	250.741.321
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	<u>3.462.045.165</u>	<u>6.113.279.431</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty được hưởng ưu đãi với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế đối với hoạt động xay xát thóc lúa; đánh bóng và xuất khẩu gạo từ năm 2015.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	742.482.473	148.691.009
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	220.917.995	92.206.105
TỔNG CỘNG	<u>963.400.468</u>	<u>240.897.114</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.228.098.639	6.660.657.408
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	2.445.619.728	1.332.131.482
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Thu nhập cổ tức	(1.762.774.266)	(1.150.602.382)
Các khoản khác	280.555.006	59.368.014
Chi phí thuế TNDN	963.400.468	240.897.114

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận thuế tài sản TNDN hoãn lại với biến động trong năm báo cáo như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.184.685.458	1.388.595.708	(203.910.250)	(77.073.592)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	71.564	435.031	(363.467)	18.156.043
Khác	-	16.644.278	(16.644.278)	(33.288.556)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.184.757.022	1.405.675.017		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(220.917.995)	(92.206.105)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Angimex – Kitoku	Công ty liên doanh	Bán gạo	4.406.676.700	7.684.800.000
		Cho thuê kho	661.078.800	641.638.800
		Nhận chia cổ tức	1.134.500.000	1.189.059.235
		Thù lao của Hội đồng thành viên	453.800.000	-
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – An Giang	Công ty liên doanh	Nhận chia cổ tức	7.625.920.332	4.563.952.676
		Bán gạo	186.824.000	138.225.000
		Góp vốn	4.000.000.000	-
		Thù lao của Hội đồng thành viên	40.000.000	-

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – An Giang	Công ty liên doanh	Bán gạo	<u>16.005.000</u>	<u>11.640.000</u>

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	<u>2.591.574.575</u>	<u>1.942.376.382</u>

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê các cửa hàng theo các hợp đồng thuê hoạt động thuộc Tỉnh An Giang. Các khoản tiền thuê trong tương lai của các khoản thuê hoạt động sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.914.778.767	1.079.671.233
Từ 1 đến 5 năm	<u>3.533.888.219</u>	<u>172.931.507</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.448.666.986</u>	<u>1.252.602.740</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

30. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

- Lương thực: kinh doanh trong nước và xuất khẩu gạo, mua bán lương thực và thực phẩm; và
- Xe gắn máy: kinh doanh xe gắn máy, phụ tùng và cung cấp dịch vụ bảo trì.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Lương thực</i>	<i>Xe gắn máy</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017			
<i>Doanh thu</i>			
Doanh thu khách hàng bên ngoài	1.703.684.547.469	552.063.563.316	2.255.748.110.785
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>			
Kết quả của bộ phận	86.686.366.074	47.346.372.194	134.032.738.268
Chi phí không phân bổ			(129.941.122.363)
Thu nhập tài chính			15.662.856.019
Chi phí tài chính			(10.988.418.450)
Thu nhập khác			3.462.045.165
Lợi nhuận trước thuế			12.228.098.639
Thuế TNDN hiện hành			(742.482.473)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(220.917.995)
Lợi nhuận sau thuế trong năm			11.264.698.171
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017			
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>			
Tài sản của bộ phận	409.766.841.149	101.203.880.132	510.970.721.281
Tiền và tương đương tiền			137.740.105.542
Tài sản không phân bổ			70.338.517.425
Tổng tài sản			719.049.344.248
Nợ phải trả của bộ phận	19.560.716.437	16.208.627.642	35.769.344.079
Nợ phải trả không phân bổ			323.201.484.135
Tổng nợ phải trả			358.970.828.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

30. THÔNG TIN BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)

	<i>Lương thực</i>	<i>Xe gắn máy</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016			
<i>Doanh thu</i>			
Doanh thu khách hàng bên ngoài	1.419.789.004.396	483.464.688.172	1.903.253.692.568
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>			
Kết quả của bộ phận	76.030.648.145	44.752.753.888	120.783.402.033
Chi phí không phân bổ	-	-	(112.823.701.398)
Thu nhập tài chính	-	-	12.395.172.619
Chi phí tài chính	-	-	(19.807.495.277)
Thu nhập khác	-	-	6.113.279.431
Lợi nhuận trước thuế	-	-	6.660.657.408
Thu nhập thuế TNDN hiện hành	-	-	(148.691.009)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	(92.206.105)
Lợi nhuận sau thuế trong năm			6.419.760.294
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016			
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>			
Tài sản của bộ phận	431.335.006.423	101.387.204.272	532.722.210.695
Tiền và tương đương tiền	-	-	157.403.326.113
Tài sản không phân bổ	-	-	51.222.692.730
Tổng tài sản			741.348.229.538
Nợ phải trả của bộ phận	10.963.295.092	20.144.029.131	31.107.324.223
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	360.327.087.452
Tổng nợ phải trả			391.434.411.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.264.698.171	6.419.760.294
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(1.100.000.000)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	11.264.698.171	5.319.760.294
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	18.200.000	18.200.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND) (Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu)	619	292

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2016 để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 4 năm 2017.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2017 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2017 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

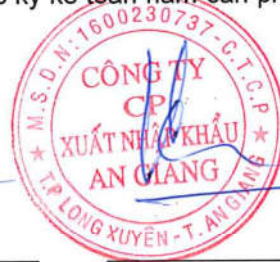
Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.



Nguyễn Khánh Linh
Người lập



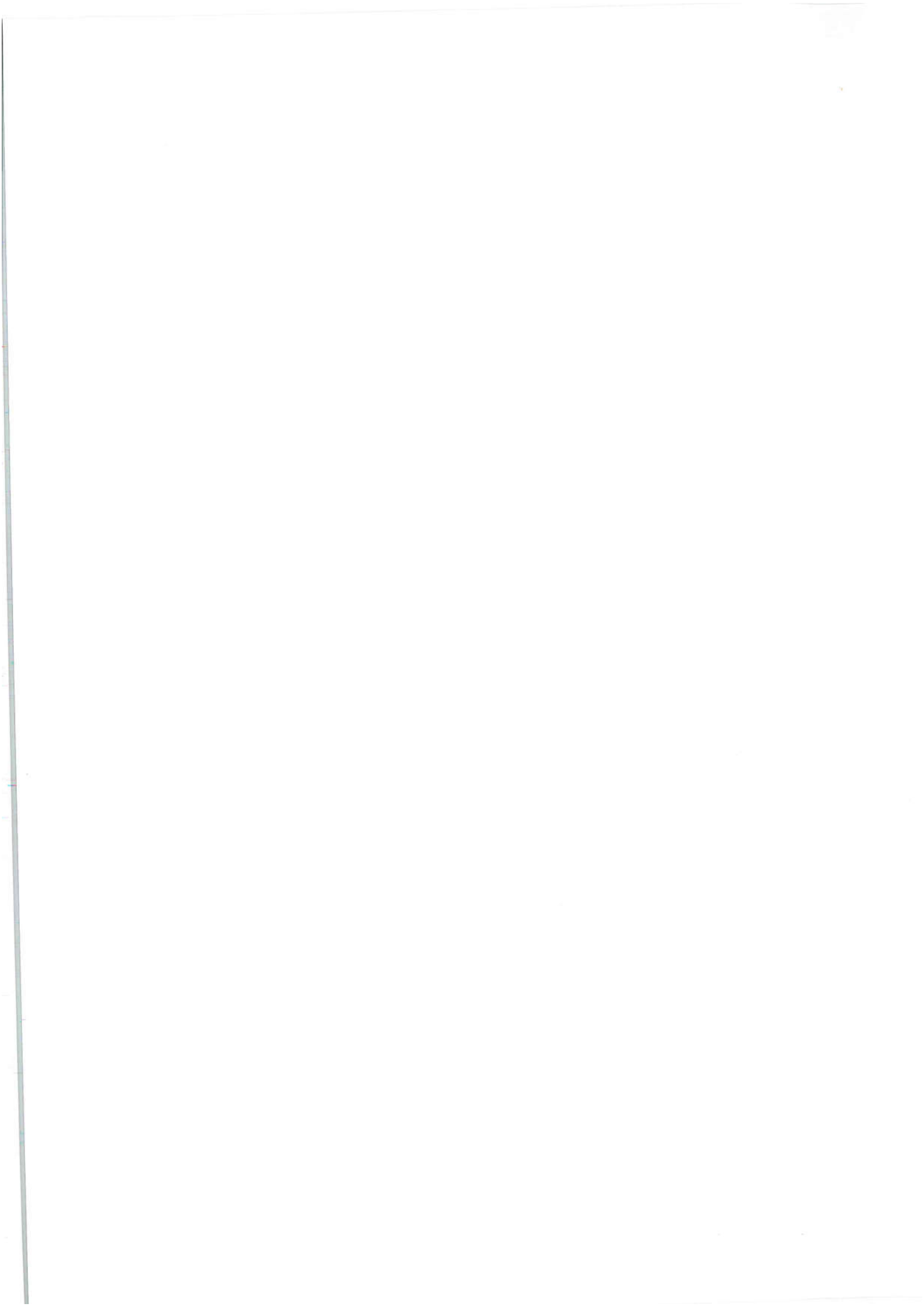
Trần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởng




Võ Thanh Bào
Giám đốc Điều hành

Ngày 5 tháng 2 năm 2018

H.H. 17



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *127*.../XNK-TCKT
(V/v giải trình lợi nhuận năm 2017 tăng so với
năm 2016)

An Giang, ngày *12* tháng 02 năm 2018

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.**

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 tăng so với năm 2016 là do nguyên nhân chủ yếu như sau:

Trong năm 2017, doanh thu thuần tăng 18,51% dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 10,97% so với năm 2016. Mặt khác, doanh thu hoạt động tài chính tăng 26,36% trong khi chi phí tài chính lại giảm 44,52% làm cho lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 11.265 triệu đồng, tăng 75,47% so với năm 2016.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần bán hàng và CCDV	2.253.979	1.901.923	352.056	18,51
Giá vốn hàng bán	2.119.946	1.781.139	338.807	19,02
Lợi nhuận gộp	134.033	120.783	13.249	10,97
Doanh thu hoạt động tài chính	15.663	12.395	3.268	26,36
Chi phí tài chính	10.988	19.807	(8.819)	(44,52)
<i>Trong đó: lãi vay</i>	<i>9.752</i>	<i>15.282</i>	<i>(5.530)</i>	<i>(36,19)</i>
Chi phí bán hàng	116.642	99.866	16.776	16,80
Chi phí quản lý DN	13.299	12.958	341	2,63
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.766	547	8.219	1501,46
Lợi nhuận khác	3.462	6.113	(2.651)	(43,37)
Tổng lợi nhuận trước thuế	12.228	6.661	5.567	83,59
Thuế TNDN	963	241	723	299,92
Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.265	6.420	4.845	75,47

Kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng kính chào./.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT



VÕ THANH BÀO